

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN LÂN NUNG CHÁY VĂN ĐIỀN**

Số: 616/PLVD - TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2021

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2021 và 6T năm 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với quý 2/2020 và 6T năm 2020

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền.

Địa chỉ trụ sở: Đường Phan Trọng Tuệ - xã Tam Hiệp - Huyện Thanh Trì – Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0243.6884489/6885174 Số fax: 0243.6884277.

Vốn điều lệ: 376.653.480.000 đồng.

Căn cứ quy định tại khoản 4, điều 11, thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính quý 2/2021 và 6 tháng 2021 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền lập ngày 30/7/2021 đã được soát xét ngày 10/8/2021;

Công ty chúng tôi xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2021 và 6 tháng 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với quý 2/2021 và 6 tháng 2020, cụ thể như sau:

**I – Lợi nhuận sau thuế quý 2/2021 so với quý 2/2020:**

*DVT: Đồng VN*

KHOẢN MỤC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	TĂNG (+); GIẢM (-)	
			TỶ LỆ	SỐ TIỀN
A	1	2	3=4/2	4=(1-2)
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	285.886.597.861	206.400.423.324	39%	79.486.174.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0%	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	285.886.597.861	206.400.423.324	39%	79.486.174.537
4. Giá vốn hàng bán	213.395.096.662	152.629.187.092	40%	60.765.909.570
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	72.491.501.199	53.771.236.232	35%	18.720.264.967
6. Doanh thu hoạt động tài chính	874.835.928	1.106.211.598	-21%	-231.375.670
7. Chi phí tài chính	96.108.300	221.954.903	-57%	-125.846.603
8. Chi phí bán hàng	54.650.248.992	43.943.135.394	24%	10.707.113.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.573.446.368	5.541.509.436	55%	3.031.936.932
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	10.046.533.467	5.170.848.097	94%	4.875.685.370
11. Thu nhập khác *	18.814.641	-160.254.637	-112%	179.069.278
12. Chi phí khác	0	21.400.000	-100%	-21.400.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	18.814.641	-181.654.637	-110%	200.469.278
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	10.065.348.108	4.989.193.460	102%	5.076.154.648
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.013.069.621	997.838.692	102%	1.015.230.929
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0%	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	8.052.278.487	3.991.354.768	102%	4.060.923.719

**II – Lợi nhuận sau thuế 6 tháng 2021 so với 6 tháng 2020:**

DVT: Đồng VN

KHOẢN MỤC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	TĂNG (+); GIẢM (-)	
			TỶ LỆ	SỐ TIỀN
A	1	2	3=4/2	4=(1-2)
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	592.238.048.650	472.288.125.571	25%	119.949.923.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0%	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	592.238.048.650	472.288.125.571	25%	119.949.923.079
4. Giá vốn hàng bán	451.299.008.594	361.763.773.004	25%	89.535.235.590
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	140.939.040.056	110.524.352.567	28%	30.414.687.489
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.189.236.357	1.487.016.913	-20%	-297.780.556
7. Chi phí tài chính	336.440.091	559.519.503	-40%	-223.079.412
8. Chi phí bán hàng	102.480.497.963	83.625.782.039	23%	18.854.715.924
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.076.420.554	13.819.375.544	38%	5.257.045.010
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	20.234.917.805	14.006.692.394	44%	6.228.225.411
11. Thu nhập khác	25.297.041	17.470.800	45%	7.826.241
12. Chi phí khác	150.215.731	21.400.000	602%	128.815.731
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	-124.918.690	-3.929.200	3079%	-120.989.490
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	20.109.999.115	14.002.763.194	44%	6.107.235.921
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.052.042.969	2.800.552.639	45%	1.251.490.330
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0	0%	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	16.057.956.146	11.202.210.555	43%	4.855.745.591

**III - Giải trình nguyên nhân tăng giảm chủ yếu:**

- Doanh thu và giá vốn hàng bán tăng do sản lượng tiêu thụ quý 2/2021 và 6 tháng 2021 tăng so với cùng kỳ năm trước và việc điều chỉnh giá bán sản phẩm từ ngày 22/01/2021 trở đi;

- Doanh thu tài chính giảm: Do số tiền gửi có kỳ hạn giảm và lãi suất ngân hàng giảm sâu so với cùng kỳ năm trước;

- Chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ: do tiền thuê đất tăng 11%; tổng quỹ lương tạm tính 2021 tăng 10% so với tổng quỹ lương 2020; do các nguyên nhân về yếu tố bất khả kháng (dịch Covid - 19); thời tiết diễn biến phức tạp...nên Công ty phải tăng chi phí đầu tư phát triển thị trường và các chi phí vận chuyển, thuê kho...nhằm giữ vững thị trường;

Trên đây là giải trình của Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển báo cáo UBCKNN; Sở GDCK TPHCM và quý cổ đông về sự thay đổi các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính quý 2/2021 và 6 tháng 2021 so với quý 2/2020 và 6 tháng 2020 của Công ty.

Công ty chúng tôi xin cam kết các giải trình trên là đúng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các số liệu của mình./.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: TCKT, VP.

